

Lục Nam, ngày tháng 02 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Thuốc generic, vị thuốc y học cổ truyền năm 2025

Kính gửi: Các cơ sở kinh doanh thuốc.

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Lục Nam đang có kế hoạch mua thuốc generic, vị thuốc y học cổ truyền sử dụng trong điều trị bệnh tại đơn vị.

Trung tâm Y tế huyện Lục Nam trân trọng mời các cơ sở kinh doanh thuốc quan tâm gửi giá chào sản phẩm đơn vị mình đang kinh doanh theo danh mục sau:

(Có danh mục mời báo giá chi tiết kèm theo)

Các đơn vị quan tâm, gửi báo giá trước 09 giờ 00 phút ngày 25/02/2025

Địa điểm tiếp nhận: Ds Dũng

Khoa Dược – Vật tư trang thiết bị y tế, Trung tâm Y tế huyện Lục Nam.

(Địa chỉ: Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang)

Điện thoại: 0942.918.911

Báo giá phải có hiệu lực ít nhất trong vòng 90 ngày kể từ 25/02/2025.

Các tài liệu đơn vị kinh doanh cần gửi kèm theo báo giá bao gồm giấy phép đăng ký kinh doanh có phạm vi kinh doanh thuốc mà đơn vị mình báo giá.

Vậy, Trung tâm Y tế huyện Lục Nam trân trọng kính mời các cơ sở kinh doanh thuốc quan tâm gửi báo giá./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng DS-TT (Đăng Website);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Vũ Trí Quý

DANH MỤC THUỐC GENERIC VÀ VỊ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày /02/2025 của TTYT huyện Lục Nam)

I. THUỐC GENERIC

Stt	STT theo TT20	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	7	Fentanyl	Nhóm 1	0,5mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	1.000
2	12	Lidocain (hydroclorid)	Nhóm 4	20mg/ml, 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	3.000
3	12	Lidocain (hydroclorid)	Nhóm 4	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	10.000
4	13	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	Nhóm 1	36mg + 18,13mcg/1,8ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	5.000
5	18	Pethidin hydroclorid	Nhóm 1	100mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	4.000
6	23	Sevoflurane	Nhóm 1	100%/250ml	Đường hô hấp	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Chai	150
7	103	Diphenhydramin hydroclorid	Nhóm 4	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	40.000
8	134	Norepinephrin (dưới dạng Norepinephrin bitartrat monohydrat)	Nhóm 4	1mg/1ml, ống 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500
9	172	Ampicilin + Sulbactam	Nhóm 4	0,5g + 0,25g	Tiêm	Bột pha tiêm	Lọ	20.000
10	221	Metronidazol	Nhóm 4	400mg	Uống	Viên nén	Viên	100.000
11	231	Spiramycin + Metronidazol	Nhóm 2	750.000IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	50.000
12	280	Aciclovir	Nhóm 2	800mg	Uống	viên nén	Viên	10.000

13	281	Entecavir	Nhóm 2	0,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30.000
14	281	Entecavir	Nhóm 4	0,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	70.000
15	653	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Nhóm 1	30g/100ml-50 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	500
16	703	Phloroglucinol hydrat + trimethyl phloroglucinol	Nhóm 4	40mg + 0,04mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1.000
17	795	Metformin hydrochloride	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	viên	100.000
18	804	Levothyroxin (muối natri)	Nhóm 1	75mcg	Uống	Viên nén	viên	70.000
19	804	Levothyroxin (muối natri)	Nhóm 1	25mcg	Uống	Viên nén	viên	30.000
20	806	Thiamazol	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên nén bao phim	viên	80.000
21	889	Oxytocin	Nhóm 4	10UI/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	5.000
22	889	Oxytocin	Nhóm 1	5UI/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	5.000
23	892	Atosiban	Nhóm 4	7,5mg/ml; 5ml	Tiêm/tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Lọ	20
24	916	Haloperidol	Nhóm 4	1,5 mg	Uống	Viên nén	Viên	100.000
25	917	Levomepromazin	Nhóm 4	25mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	70.000
26	939	Acetyl leucin	Nhóm 4	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	20.000
27	962	Salbutamol (sulfat)	Nhóm 4	2,5mg/2,5ml	Đường hô hấp	Dung dịch dùng cho khí dung	Ống	15.000
28	993	Kali clorid	Nhóm 4	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Ống	5.000

29	993	Kali clorid	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên	20.000
30	1003	Nước cất pha tiêm	Nhóm 4	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Ống	100.000
31	1028	Pyridoxin hydroclorid	Nhóm 4	100mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	20.000
32	1030	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	Nhóm 4	500mcg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	20.000

Tổng số danh mục thuốc Generic: 32 danh mục.

II. DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

STT	STT theo TT05	Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	1	Bạch chỉ	2	Rễ	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Thái phiến dày 0.2-0.4cm, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
2	6	Quế chi	2	Cành	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
3	9	Tế tân	2	Rễ	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>	Thái ngắn, phơi âm can	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
4	15	Cát căn	2	Rễ	<i>Radix Puerariae thomsonii</i>	Thái phiến, phơi/ sấy khô hoặc sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
5	17	Cúc hoa	2	Hoa	<i>Flos Chrysanthemi indic</i>	Phơi nắng hoặc sấy ở 40 - 50 độ C đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
6	24	Mạn kinh tử	2	Quả	<i>Fructus Viticis</i>	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
7	25	Ngưu bàng tử	2	Quả	<i>Fructus Arctii lappae</i>	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10

8	27	Sài hồ	2	Rễ	<i>Radix Bupleuri</i>	Thái ngắn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
9	29	Thăng ma	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
10	33	Cà gai leo	2	Toàn cây	<i>Herba Solani procumbensis</i>	Thái ngắn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
11	35	Dây đau xương	2	Thân gỗ	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	Thái lát mỏng, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
12	36	Dây gấm	2	Củ và rễ	<i>Caulis et Radix Gneti montani</i>	Thái đoạn, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
13	37	Độc hoạt	2	Rễ	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	Thái phiến, phơi âm can/ sấy dưới 60 độ C đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	25
14	39	Hy thiêm	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Siegesbeckiae</i>	Tầm rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
15	40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	2	Quả	<i>Fructus Xanthii strumarrii</i>	Sao cháy gai hoặc tầm rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
16	41	Khương hoạt	2	Thân rễ	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
17	44	Mộc qua	2	Quả	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	Thái lát, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
18	45	Ngũ gia bì chân chim	2	Vỏ thân	<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
19	47	Phòng phong	2	Rễ	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	Thái lát dày, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20

20	50	Tang ký sinh	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>	Thái ngắn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
21	53	Tần giao	2	Rễ	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
22	54	Thiên niên kiện	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>	Thái phiến, phơi trong bóng râm/ sấy nhẹ đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
23	56	Uy linh tiên	2	Rễ	<i>Radix et Rhizoma Clematidis</i>	Thái đoạn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
24	58	Can khương	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Sao vàng hoặc sao cháy (thán khương)	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
25	62	Đinh hương	2	Hoa	<i>Flos Syzygii aromatici</i>	Phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
26	68	Quế nhục	2	Vỏ thân	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Thái ngắn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
27	69	Bạch biển đậu	2	Hạt	<i>Semen Lablab</i>	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
28	72	Hương nhu	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Ocimi</i>	Thái ngắn 2 - 3 cm, phơi âm can đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
29	74	Bạch hoa xà thiệt thảo	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Hedyotidis diffusae</i>	Thái ngắn, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
30	78	Bồ công anh	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Lactucae indicae</i>	Thái ngắn 3-5cm, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
31	84	Diệp hạ châu	2	Toàn cây	<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>	Thái ngắn 5-6cm, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10

32	91	Kim ngân hoa	2	Nụ hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Phơi trong bóng râm hoặc sấy nhẹ đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
33	92	Liên kiều	2	Quả	<i>Fructus Forsythiae</i>	Bỏ hạt, lõi, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
34	96	Sài đất	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Wedeliae</i>	Thái ngắn, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
35	97	Thỏ phục linh	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Thái lát, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
36	104	Hạ khô thảo	2	Cụm quả	<i>Spica Prunellae</i>	Phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
37	106	Huyền sâm	2	Rễ	<i>Radix Scrophulariae</i>	Ủ mềm, thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
38	109	Tri mẫu	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	Chích muối hoặc chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
39	114	Hoàng bá	2	Vỏ thân	<i>Cortex Phellodendri</i>	Chích muối ăn	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
40	116	Hoàng cầm	2	Rễ	<i>Radix Scutellariae</i>	Thái phiến, phơi/ sấy khô 60-70 độ C hoặc sao vàng hoặc sao đen hoặc chích rượu hoặc chích mật ong	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
41	124	Nhân trần	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>	Thái ngắn, phơi trong bóng râm/ sấy ở 40 - 50 độ C đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
42	133	Mẫu đơn bì	2	Vỏ thân	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	Sao vàng hoặc chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15

43	137	Xích thước	2	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
44	145	Qua lâu nhân	2	Hạt	<i>Semen Trichosanthis</i>	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
45	157	Hạnh nhân	2	Hạt	<i>Semen Armeniacae amarum</i>	Đề vỏ sao vàng hoặc bỏ vỏ sao vàng hoặc ép loại dầu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
46	162	Tang bạch bì	2	Vỏ thân	<i>Cortex Mori albae radices</i>	Chích mật	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
47	163	Tiên hồ	2	Rễ	<i>Radix Peucedani</i>	Chích mật	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
48	170	Bạch tật lê	2	Quả	<i>Fructus Tribuli terrestris</i>	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
49	171	Câu đằng	2	Cành	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Thái ngắn, phơi hoặc sấy ở 50 - 60 độ C đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
50	176	Thiên ma	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Thái lát, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
51	180	Bình vôi (Ngải tượng)	2	Rễ củ	<i>Tuber Stephaniae</i>	Cạo bỏ vỏ đen, thái mỏng, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
52	181	Lạc tiên	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Passiflorae</i>	Thái ngắn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
53	184	Phục thần	2	Nấm	<i>Poria</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
54	185	Táo nhân	2	Hạt	<i>Semen Ziziphi mauritaniae</i>	Sao đen	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10

55	187	Thảo quyết minh	2	Hạt	<i>Semen Cassiae torae</i>	Sao vàng hoặc sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
56	189	Viễn chí	2	Rễ	<i>Radix Polygalae</i>	Sao cám hoặc chích cam thảo	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
57	190	Vông nem	2	Lá	<i>Folium Erythrinae</i>	Thái ngắn, phơi âm can hoặc sấy nhẹ (40 - 50 độ C) đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
58	194	Chỉ thực	2	Quả	<i>Fructus Aurantii immaturus</i>	Sao vàng cháy cạnh	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
59	195	Chỉ xác	2	Quả	<i>Fructus Aurantii</i>	Thái phiến, phơi/ sấy khô hoặc sao cám	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
60	198	Hương phụ	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Tứ chế	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
61	200	Mộc hương	2	Rễ	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Thái phiến, phơi trong bóng râm/ sấy khô nhiệt độ thấp	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
62	208	Trần bì	2	Vỏ quả	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Sao vàng hoặc sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
63	211	Đan sâm	2	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Ủ rượu, sao khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
64	212	Đào nhân	2	Hạt	<i>Semen Pruni</i>	Đề vỏ sao vàng hoặc bỏ vỏ sao vàng hoặc ép loại dầu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
65	215	Huyết giác	2	Thân	<i>Lignum Dracaenae cambodiana</i>	Thái ngắn, phơi/ sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
66	217	Kê huyết đằng	2	Thân gỗ	<i>Caulis Spatholobi</i>	Ngâm ủ, thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10

67	221	Ngưu tất	2	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Chích rượu hoặc chích muối	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
68	226	Xuyên khung	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
69	230	Hoè hoa	2	Hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
70	245	Kim tiền thảo	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	Thái ngắn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
71	254	Trạch tả	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Alismatis</i>	Sao vàng hoặc chích muối ăn	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
72	256	Tỳ giải	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Dioscoreae</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
73	257	Xa tiền tử	2	Hạt	<i>Semen Plantaginis</i>	Chích muối ăn	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
74	272	Kê nội kim	2	Màng mề gà	<i>Endothelium Corneum Gigeriae Galli</i>	Sao cát	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
75	273	Lá khôi	2	Lá	<i>Folium Ardisiae</i>	Thái ngắn, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
76	278	Son tra	2	Quả	<i>Fructus Mali</i>	Sao qua hoặc sao đen	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
77	279	Thương truật	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Sao qua hoặc sao vàng hoặc sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
78	282	Liên nhục	2	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10

79	286	Ngũ vị tử	2	Quả	<i>Fructus Schisandrae</i>	Tầm mật hoặc tầm giấm	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
80	290	Sơn thù	2	Quả	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Sơn thù nhục hoặc chưng hoặc tầm rượu chưng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
81	295	Bạch thược	2	Rễ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Thái phiến hoặc sao vàng hoặc chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
82	296	Đương quy (Toàn quy)	2	Rễ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
83	298	Hà thủ ô đỏ	2	Rễ	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	Chế với nước đậu đen	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
84	299	Long nhãn	2	Cùi quả	<i>Arillus Longan</i>	Làm sạch	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
85	301	Thục địa	2	Rễ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Chế từ sinh địa	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
86	307	Ngọc trúc	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Polygonati odorati</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
87	309	Sa sâm	2	Rễ	<i>Radix Glehniae</i>	Thái phiến, phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
88	312	Ba kích	2	Rễ	<i>Radix Morindae officinalis</i>	Bỏ lõi, cắt đoạn 3-5cm, phơi / sấy khô, chích rượu hoặc chích muối hoặc chích cam thảo	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
89	315	Cẩu tích	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cibotii</i>	Sao vàng hoặc sao cách cát hoặc chích rượu hoặc chích muối	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20

90	321	Ích trí nhân	2	Quả	<i>Fructus Alpiniae oxyphyllae</i>	Chế muối	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
91	323	Nhục thung dung	2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Cistanches</i>	Thái phiến, phơi/ sấy khô hoặc chưng rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
92	324	Phá cốt chi (Bồ cốt chi)	2	Quả	<i>Fructus Psoraleae corylifoliae</i>	Chích muối	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
93	327	Tục đoạn	2	Rễ	<i>Radix Dipsaci</i>	Chích muối hoặc chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
94	328	Bạch truật	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Thái phiến, rút lõi, phơi/ sấy khô hoặc sao cám mật ong hoặc chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
95	329	Cam thảo	2	Rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Thái phiến, phơi/ sấy khô hoặc chích mật ong	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
96	330	Đại táo	2	Quả	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Phơi khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
97	331	Đảng sâm	2	Rễ	<i>Radix Codonopsis</i>	Chích gừng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
98	333	Hoài sơn	2	Rễ củ	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Sao cám	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
99	334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	2	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Chích mật	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20

Tổng số danh mục vị thuốc Y học cổ truyền: 99 danh mục.

MẪU BÁO GIÁ

CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

BÁO GIÁ THUỐC GENERIC

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lục Nam.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Lục Nam, Chúng tôi, Công ty có địa chỉ tại:....., báo giá thuốc như sau:

1. Danh mục thuốc báo giá

STT	STT theo TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Hạn sử dụng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (đồng)	Thành tiền đã có VAT (đồng)	Giá kê khai
Tổng số tiền:																	
Tổng số tiền bằng chữ:																	

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày thángnăm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương; không thuộc các trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về luật doanh nghiệp.

- Giá các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm pháp luật về giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC / NGƯỜI BÁO GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU BÁO GIÁ

CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

BÁO GIÁ VỊ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lục Nam.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Lục Nam, Chúng tôi, Công ty có địa chỉ tại:....., báo giá vị thuốc y học cổ truyền như sau:

2. Danh mục vị thuốc y học cổ truyền báo giá

STT	STT theo TT05	Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (đồng)	Thành tiền đã có VAT (đồng)	Giá kê khai (nếu có)
Tổng số tiền:																
Tổng số tiền bằng chữ:																

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày thángnăm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương; không thuộc các trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về luật doanh nghiệp.
- Giá các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm pháp luật về giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC / NGƯỜI BÁO GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)